

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 -9-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Tùng.

Bà Vũ Phương Nhung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị Nh, sinh năm 1993; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 7, xóm X, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; địa chỉ tạm trú: Xóm 19, xã C, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

***- Bị đơn:*** Anh Đoàn Văn Ch; sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Đội 7, xóm X, xã A, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

***- Người làm chứng:*** NLC; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn Ch tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/01/2011. Sau

ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ch nghiện ma túy, chị và gia đình hai bên đã khuyên nhiều lần nhưng anh Ch không từ bỏ. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Ch, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Trọng H, sinh ngày 07/6/2011 và Đoàn Thị Thùy D, sinh ngày 28/4/20013. Hiện nay cháu H đang ở cùng ông bà nội và anh Ch, cháu D đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với anh Đoàn Văn Ch:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ch nhưng anh Ch không trình bày quan điểm và không đến của Tòa án để làm việc.

*Tại biên bản lấy lời khai chị NLC trình bày:* Anh Đoàn Văn Ch là em trai của chồng chị. Hiện nay anh Ch đang ở cùng thổ đất với bố mẹ chồng chị và vợ chồng chị. Anh Ch và chị Nh kết năm 2011 và hiện nay đang sống ly thân, chị Nh bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ch có chơi bời, nhưng hiện nay anh Ch đã tu chí làm ăn và có thu nhập ổn định. Anh Ch có ý kiến: Do hiện nay anh Ch đi làm Hà Nội, công việc bận nên không thể về Tòa án làm việc; chị Nh có đơn xin ly hôn anh không nhất trí vì anh theo đạo Thiên Chúa; nếu chị Nh cố tình ly hôn thì anh nhận nuôi cháu H, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng; không đề nghị Tòa án chia tài sản.

*Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã A, huyện Giao Thủy:* Việc kết hôn, chung sống vợ chồng và con chung như các đương sự trình bày là đúng.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Nh và anh Đoàn Văn Ch; giao cháu Đoàn Trọng H, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Đoàn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Thị Thùy D, sinh ngày 28/4/20013 cho chị Đinh Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Nh và anh Đoàn Văn Ch kết hôn hợp

pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Nh và anh Ch không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong nhiều năm. Anh Ch không nhất trí ly hôn chỉ vì lý do anh theo đạo Thiên Chúa, lễ giáo không cho phép ly hôn, anh không tham gia hòa giải, không đến Tòa án để làm việc. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Nh và anh Đoàn Văn Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Nh đối với anh Đoàn Văn Ch, phù hợp với quy định tại

[2] Về việc nuôi con: Xác định chị Đinh Thị Nh và anh Đoàn Văn Ch có 2 con chung là Đoàn Trọng H, sinh ngày 07/6/2011 và Đoàn Thị Thùy D, sinh ngày 28/4/20013. Căn cứ vào thực tế nuôi dưỡng, điều kiện nuôi con của các đương sự, căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình đủ cơ sở giao cháu Đoàn Trọng H cho anh Đoàn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Thị Thùy D cho chị Đinh Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch và chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Nh là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Nh và anh Đoàn Văn Ch.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; giao cháu Đoàn Trọng H, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Đoàn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Thị Thùy D, sinh ngày 28/4/20013 cho chị Đinh Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng; chị Đinh Thị Nh, anh Đoàn Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: chị Đinh Thị Nh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003674 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Duyên**